PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Thông tư số 16/2012/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 7 năm 2012 ban hành Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho một số nghề thuộc các nhóm nghề: Sản xuất và chế biến - Công nghệ kỹ thuật - Khoa học và sự sống - Kinh doanh và quản lý - Nông, lâm nghiệp và thủy sản - Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân

(Tiếp theo Công báo số 491 + 492)

Phụ lục 7
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ "VẬN HÀNH MÁY THI CÔNG NỀN"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 7A
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Vận hành máy thi công nền

Mã nghề: 40510248

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 29

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Có những kiến thức cơ bản về: Điện kỹ thuật, Cơ ứng dụng, Vẽ kỹ thuật, Vật liệu học, Nguội cơ bản,... cho việc tiếp thu kiến thức chuyên môn nghề Vận hành máy thi công nền;

+ Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của máy xúc, máy ủi, máy lu và các máy liên quan;

+ Trình bày được các phương pháp thi công của máy xúc, máy ủi, máy lu và các máy liên quan;

+ Trình bày được các biện pháp an toàn bảo hộ lao động phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn lao động, sơ cứu người bị tai nạn, các biện pháp an toàn và vệ sinh môi trường khi vận hành, bảo dưỡng máy thi công nền;

+ Phân tích được quy trình chuẩn bị thi công cho máy xúc, máy ủi, máy lu và các máy liên quan;

+ Trình bày được quy trình vận hành và bảo dưỡng các loại máy thi công nền;

+ Trình bày được một số nguyên nhân hư hỏng, cách kiểm tra, sửa chữa những hư hỏng thông thường của máy xúc, máy ủi, máy lu và các máy liên quan;

+ Trình bày được các đặc tính kỹ thuật, so sánh được các thông số kỹ thuật của máy xúc, máy ủi, máy lu và các máy liên quan;

+ Trình bày được các phương án tổ chức và quản lý khi thi công nền.

- Kỹ năng:

+ Đọc được các bản vẽ thi công;

+ Thực hiện được các biện pháp an toàn và vệ sinh môi trường khi thi công nền và xử lý được các tình huống khi xảy ra tai nạn;

+ Lựa chọn được các công việc chuẩn bị cho máy xúc, máy ủi, máy lu và các máy liên quan trước khi thi công;

+ Sử dụng được các dụng cụ thiết bị trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa những hư hỏng thông thường;

+ Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa được những hư hỏng thông thường trên các máy xúc, máy ủi, máy lu và các máy liên quan đúng quy trình, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị;

+ Vận hành được máy xúc, máy ủi, máy lu và các máy liên quan đúng quy trình đảm bảo an toàn cho người và thiết bị;

+ Lựa chọn được phương án thi công và các thiết bị thi công;

+ Tổ chức, điều hành tổ, nhóm thi công nền và kèm cặp người thợ có tay nghề thấp;

+ Hướng dẫn được thợ bậc dưới và thợ phụ trong các công việc thi công nền;

+ Thường xuyên cập nhật kiến thức mới, kỹ năng vận hành và bảo dưỡng;

+ Thực hiện được các biện pháp an toàn kỹ thuật và vệ sinh môi trường;

+ Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết được những tình huống trong thực tế;

+ Có kỹ năng giao tiếp tốt với lãnh đạo, với đồng nghiệp và với khách hàng.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Có hiểu biết về đường lối chủ trương của Đảng về định hướng phát triển kinh tế - xã hội;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp;

+ Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Thường xuyên rèn luyện thân thể để có đủ sức khỏe học tập và công tác lâu dài;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết những kiến thức kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng và sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp hệ trung cấp nghề, nghề Vận hành máy thi công nền, học sinh sẽ:

+ Làm chủ các máy thi công;

+ Có thể làm tổ trưởng hoặc đốc công tại các công trường thi công xây dựng;...

+ Tham gia tạo nguồn xuất khẩu lao động;

+ Tự tạo việc làm cho mình.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian khóa học: 1,5 năm
- Thời gian học tập: 68 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2200 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 200 giờ

(Trong đó thi tốt nghiệp: 110 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 1990 giờ

+ Thời gian học bắt buộc 1562 giờ; Thời gian học tự chọn: 428 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 536 giờ; Thời gian học thực hành: 1454 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong chương trình khung giáo dục Trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**1650**	**492**	**1046**	**112**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**410**	**258**	**126**	**26**
MH 07	Điện kỹ thuật	45	32	10	3
MH 08	Cơ ứng dụng	60	39	17	4
MH 09	Vẽ kỹ thuật	60	40	16	4
MH 10	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	45	39	3	3
MH 11	Vật liệu học	60	52	4	4
MH 12	An toàn lao động và vệ sinh môi trường	30	21	7	2
MĐ 13	Nguội cơ bản	80	17	59	4
MH 14	Kỹ năng giao tiếp	30	18	10	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1240**	**234**	**920**	**86**
MĐ 15	Bảo dưỡng động cơ đốt trong	80	24	49	7
MĐ16	Bảo dưỡng hệ thống điện	56	12	40	4
MĐ 17	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực	60	18	37	5
MĐ 18	Bảo dưỡng gầm và thiết bị công tác máy xúc	72	18	49	5
MĐ 19	Bảo dưỡng gầm và thiết bị công tác máy ủi	56	12	40	4
MĐ 20	Bảo dưỡng gầm và thiết bị công tác máy lu	56	12	40	4
MH 21	Kỹ thuật thi công	60	53	2	5
MĐ 22	Vận hành máy xúc	280	35	227	18
MĐ 23	Vận hành máy ủi	200	25	158	17
MĐ 24	Vận hành máy lu	160	21	128	11
MĐ 25	Thực tập sản xuất	160	4	150	6
Tổng cộng		**1860**	**598**	**1133**	**129**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 26	Bảo dưỡng và vận hành máy bơm cát	80	23	53	4
MĐ 27	Bảo dưỡng và vận hành máy trộn bê tông	80	23	53	4
MĐ 28	Bảo dưỡng và vận hành máy đóng bấc thấm	88	21	63	4
MĐ 29	Bảo dưỡng và vận hành máy đục đá	72	16	53	3
MĐ 30	Sửa chữa những hư hỏng thông thường trên máy thi công nền	180	52	120	8

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30% tổng số thời gian thực học tối thiểu của các môn học, mô đun đào tạo nghề;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành trong các môn học, mô đun đào tạo nghề: lý thuyết chiếm từ 15% đến 30%, thực hành chiếm từ 70% đến 85%.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun

đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng nhà Trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình.

- Ví dụ: có thể lựa chọn 4 trong số 5 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 26	Bảo dưỡng và vận hành máy bơm cát	80	23	53	4
MĐ 27	Bảo dưỡng và vận hành máy trộn bê tông	80	23	53	4
MĐ 28	Bảo dưỡng và vận hành máy đóng bấc thấm	88	21	63	4
MĐ 30	Sửa chữa những hư hỏng thông thường trên máy thi công nền	180	52	120	8
Tổng cộng:		**428**	**119**	**289**	**20**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	**Môn thi**	**Hình thức thi**	**Thời gian thi**
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	 Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	 Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho học sinh khi mới nhập trường;

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập tại một số nhà máy, cơ sở sản xuất, công trường thi công xây dựng, ...

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao:	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày

Số TT	Nội dung	Thời gian
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn Trường sẽ sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý;

- Có thể sử dụng một số mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề (tùy theo nhu cầu của người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề;

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề Cơ sở dạy nghề cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun bắt buộc và một số môn học, mô đun tự chọn trong chương trình trung cấp nghề chưa giảng dạy./.

Phụ lục 7B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Vận hành máy thi công nền

Mã nghề: 50510248

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 37

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Có những kiến thức cơ bản về: Điện kỹ thuật, Cơ ứng dụng, Vẽ kỹ thuật, Vật liệu học, Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật, Nguội cơ bản, Kỹ thuật điện tử cơ bản, Nhiệt kỹ thuật, Autocad,... cho việc tiếp thu kiến thức chuyên môn nghề vận hành máy thi công nền.

+ Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san và các máy liên quan;

+ Phân tích được các phương pháp thi công của máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san và các máy liên quan;

+ Trình bày được các biện pháp an toàn bảo hộ lao động phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn lao động, sơ cứu người bị tai nạn, các biện pháp an toàn và vệ sinh môi trường khi vận hành, bảo dưỡng máy thi công nền;

+ Phân tích được quy trình chuẩn bị thi công cho máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san và các máy liên quan;

+ Giải thích và lựa chọn được quy trình vận hành và bảo dưỡng máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san và các máy liên quan;

+ Phân tích được một số nguyên nhân hư hỏng, cách kiểm tra, sửa chữa những hư hỏng thông thường của máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san và các máy liên quan;

+ Phân tích được các biện pháp xử lý tình huống khi thi công máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san và các máy liên quan;

+ Phân tích được các đặc tính kỹ thuật, so sánh được các thông số kỹ thuật của máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san và các máy liên quan;

+ Trình bày được các phương án tổ chức và quản lý khi thi công nền;

+ Có khả năng giao tiếp trong công việc.

- Kỹ năng:

+ Đọc được bản vẽ thi công;

+ Thực hiện được các biện pháp an toàn và vệ sinh môi trường khi thi công nền và xử lý sơ cứu người khi xảy ra các tình huống khi xảy ra tai nạn;

+ Lựa chọn được các công việc chuẩn bị cho máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san và các máy liên quan trước khi thi công;

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ thiết bị trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa những hư hỏng thông thường;

+ Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa được những hư hỏng thông thường trên các máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san và các máy liên quan đúng quy trình, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị;

+ Vận hành thành thạo máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san và các máy liên quan đúng quy trình đảm bảo an toàn cho người và thiết bị;

+ Xử lý được các tình huống khi vận hành máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san và các máy liên quan;

+ Lựa chọn được phương án thi công và các thiết bị thi công;

+ Tổ chức, điều hành tổ, nhóm thi công nền và kèm cặp người thợ có tay nghề thấp.

+ Hướng dẫn được thợ bậc dưới và thợ phụ trong các công việc thi công nền;

+ Thường xuyên cập nhật kiến thức mới, kỹ năng vận hành và bảo dưỡng.

+ Thực hiện được các biện pháp an toàn kỹ thuật và vệ sinh môi trường.

+ Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết được những tình huống trong thực tế;

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Nắm được kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Hiểu biết Hiến pháp, Pháp luật, quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp;

+ Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.

-Thể chất, quốc phòng:

+ Đủ sức khỏe để làm việc lâu dài trong điều kiện năng động của các công ty lắp đặt điện dân dụng, cơ sở sửa chữa thiết bị điện gia dụng;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết những kiến thức kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng và sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp hệ Cao đẳng nghề, nghề Vận hành máy thi công nền, sinh viên có khả năng:

+ Chỉ huy một nhóm công nhân nghề Vận hành máy thi công nền làm việc;

+ Làm chủ các máy thi công;

+ Có thể làm tổ trưởng hoặc đốc công tại các công trường thi công xây dựng.

+ Có khả năng làm giáo viên trong các Trung tâm dạy nghề.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2,5 năm

- Thời gian học tập: 110 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3250 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 110 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2800 giờ

+ Thời gian học bắt buộc 2268 giờ; Thời gian học tự chọn: 532 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 795 giờ; Thời gian học thực hành: 2005 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**2268**	**650**	**1465**	**153**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**585**	**357**	**189**	**39**
MH 07	Điện kỹ thuật	45	32	10	3
MH 08	Cơ ứng dụng	60	39	17	4
MH 09	Vẽ kỹ thuật	60	40	16	4
MH 10	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	45	39	3	3
MH 11	Vật liệu học	60	52	4	4
MH 12	An toàn lao động và vệ sinh môi trường	30	21	7	2
MĐ 13	Nguội cơ bản	80	17	59	4
MH 14	Kỹ năng giao tiếp	30	18	10	2
MH 15	Kỹ thuật điện tử cơ bản	30	12	16	2
MĐ 16	Thực hành mạch điện cơ bản	40	7	29	4
MH 17	Nhiệt kỹ thuật	45	42	0	3
MĐ 18	AUTOCAD	30	10	18	2
MH 19	Tổ chức và quản lý quá trình sản xuất	30	28	0	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1683**	**293**	**1276**	**114**
MĐ 20	Bảo dưỡng động cơ đốt trong	80	24	49	7
MĐ 21	Bảo dưỡng hệ thống điện	56	12	40	4
MĐ 22	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực	72	19	47	6
MĐ 23	Bảo dưỡng gầm và thiết bị công tác máy xúc	72	18	49	5
MĐ 24	Bảo dưỡng gầm và thiết bị công tác máy ủi	56	12	40	4
MĐ 25	Bảo dưỡng gầm và thiết bị công tác máy lu	56	12	40	4
MĐ 26	Bảo dưỡng gầm và thiết bị công tác máy san	56	12	40	4
MH 27	Kỹ thuật thi công	75	66	2	7
MĐ 28	Vận hành máy xúc	280	35	227	18
MĐ 29	Vận hành máy ủi	200	25	158	17
MĐ 30	Vận hành máy lu	160	21	128	11
MĐ 31	Vận hành máy san	200	27	156	17
MĐ 32	Thực tập sản xuất	320	10	300	10
Tổng cộng:		**2718**	**870**	**1665**	**183**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 33	Bảo dưỡng và vận hành máy đóng cọc cát	120	30	82	8
MĐ 34	Bảo dưỡng và vận hành máy bơm cát	80	23	53	4
MĐ 35	Bảo dưỡng và vận hành máy trộn bê tông	80	23	53	4
MĐ 36	Bảo dưỡng và vận hành máy đóng bấc thấm	88	21	63	4
MĐ 37	Bảo dưỡng và vận hành máy đục đá	72	16	53	3
MĐ 38	Sửa chữa những hư hỏng thông thường trên máy thi công nền	180	52	120	8
MĐ 39	Xử lý tình huống khi thi công	80	24	52	4

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%, thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 5 trong số 7 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng để cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 33	Bảo dưỡng và vận hành máy đóng cọc cát	120	30	82	8
MĐ 34	Bảo dưỡng và vận hành máy bơm cát	80	23	53	4
MĐ 37	Bảo dưỡng và vận hành máy đục đá	72	16	53	3
MĐ 38	Sửa chữa những hư hỏng thông thường trên máy thi công nền	180	52	120	8
MĐ 39	Xử lý tình huống khi thi công	80	24	52	4
Tổng cộng		**532**	**145**	**360**	**27**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	**Môn thi**	**Hình thức thi**	**Thời gian thi**
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/sinh viên) Không quá 90 phút Không quá 12 giờ

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	- Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	Bài thi thực hành Bài thi tích hợp giữa lý thuyết và thực hành	Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường;

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập tại một số nhà máy, cơ sở sản xuất, công trường thi công xây dựng,...

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn Trường sẽ sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý;

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề (tùy theo nhu cầu của người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề;

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề trường cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun có mã số: MH 15, MH 16, MH 17, MH 18, NH 19, MĐ 26, MĐ 31, MĐ 33, MĐ 39./.

Phụ lục 8

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ "CÔNG NGHỆ SINH HỌC"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 8A

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Công nghệ sinh học

Mã nghề: 40420201

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 42

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được kiến thức các môn khoa học cơ bản như: toán học, vật lý, sinh học, đặc biệt là hai môn tin học và ngoại ngữ nhằm phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu tài liệu tham khảo;

+ Trình bày được những định nghĩa, cấu trúc, chức năng và thành phần cấu tạo của tế bào thực vật;

+ Giải thích được nguyên lý của các quá trình sinh học;

+ Hiểu được lý thuyết cơ sở về sinh học thực nghiệm để ứng dụng vào các vấn đề công nghệ sinh học;

+ Hiểu được cơ sở khoa học của kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật và kỹ thuật nhân nhanh in vitro giống cây trồng;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về tài nguyên đất, nước, khí hậu... đáp ứng cho việc trồng cây nông - lâm nghiệp;

+ Đánh giá được những thành tựu về công nghệ sinh học trên thế giới và ở Việt Nam;

+ Xác định được vai trò, ý nghĩa của ngành công nghệ sinh học trong nền nông nghiệp hiện đại.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng tốt các trang thiết bị, dụng cụ máy móc trong phòng thí nghiệm công nghệ sinh học;

+ Thực hành tốt các kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật;

+ Thành thạo những thao tác cơ bản của kỹ thuật nhân nhanh cây in vitro (Chuẩn bị hóa chất, dụng cụ, môi trường nuôi cấy, mẫu cấy và ra cây);

+ Biết cách lựa chọn mẫu nuôi cấy mô... sao cho hệ số nhân là cao nhất;

+ Có khả năng tham khảo và nghiên cứu tài liệu liên quan đến lĩnh vực công nghệ sinh học;

+ Bố trí và thiết kế thí nghiệm khoa học trong lĩnh vực công nghệ sinh học;

+ Thu thập và phân tích, xử lý số liệu khoa học bằng những phần mềm chuyên dụng;

+ Thực hiện quy trình trồng cây nông nghiệp, cây hoa và cây lâm nghiệp;

+ Thực hiện quy trình: Làm đất, trồng cây, chăm sóc, phát hiện, phòng và trừ sâu bệnh hại đúng kỹ thuật;

+ Sử dụng và bảo trì được các dụng cụ, trang thiết bị, máy móc phòng thí nghiệm công nghệ sinh học.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Vận dụng những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, truyền thống của dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam vào quá trình rèn luyện bản thân để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

+ Có ý thức tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, máy móc, thiết bị; bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe nhằm giúp học sinh sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm;

+ Có tinh thần tự học để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện một số môn thể dục thể thao phổ biến vào quá trình tự luyện tập thành thói quen bảo vệ sức khỏe, phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp;

+ Trình bày được những nội dung chính về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang;

+ Thành thạo một số kỹ năng quân sự cần thiết và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở.

3. Cơ hội việc làm

Người có bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề Công nghệ sinh học sẽ:

+ Làm việc tại các Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu thuộc ngành Công nghệ sinh học;

+ Làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trang trại nông, lâm nghiệp;

+ Làm việc cho các chương trình và dự án liên quan đến lĩnh vực Công nghệ sinh học.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian khóa học: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2490 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2280 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1544 giờ; Thời gian học tự chọn: 736 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 639 giờ; Thời gian học thực hành: 1641 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở

(Danh mục các môn học văn hóa trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình

khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm nhằm đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**1544**	**461**	**985**	**98**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**270**	**170**	**82**	**18**
MH 07	Phân loại thực vật	45	30	12	3
MH 08	Sinh học tế bào	45	30	12	3
MH 09	Sinh lý thực vật	45	25	17	3
MH 10	Di truyền thực vật	45	25	17	3
MH 11	Hóa sinh thực vật	45	25	17	3
MH 12	Cơ sở của nuôi cấy mô tế bào thực vật	45	35	7	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1274**	**291**	**903**	**80**
MĐ 13	Công tác phòng thí nghiệm	40	15	21	4
MĐ 14	Nhà kính, nhà lưới	40	12	25	3
MĐ 15	Vườn ươm	42	15	23	4
MĐ 16	Trồng rừng	56	15	37	4
MĐ 17	Nhân giống cây lâm nghiệp (Keo, Bạch đàn)	96	24	66	6
MĐ 18	Nhân giống giống hoa lan (Hồ điệp, Đai châu)	120	24	90	6

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 19	Nhân giống cây chuối	88	16	68	4
MĐ 20	Nhân giống hoa đồng tiền	80	16	60	4
MĐ 21	Nhân giống cây dược liệu (Ba kích, Lô hội...)	96	16	76	4
MĐ 22	Nhân giống cây lấy củ (Khoai tây, khoai sọ, khoai lang)	160	24	130	6
MĐ 23	Nông nghiệp hữu cơ	56	12	41	3
MĐ 24	Phân vi sinh	40	15	22	3
MĐ 25	An toàn lao động và vệ sinh nông nghiệp	40	12	25	3
MĐ 26	Sinh thái nông nghiệp	40	15	23	2
MĐ 27	Quản trị sản xuất trong nông nghiệp	40	21	14	5
MĐ 28	Khảo sát thị trường cây giống	40	12	24	4
MĐ 29	Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh	40	12	25	3
MĐ 31	Thực tập sản xuất	160	15	133	12
	Tổng cộng	**1754**	**567**	**1072**	**115**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 32	Hệ thống nông nghiệp	56	30	22	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 33	Quản lý dịch hại tổng hợp	40	21	15	4
MĐ 34	Sinh thái môi trường	56	15	38	3
MĐ 35	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	48	15	30	3
MĐ 36	Côn trùng nông nghiệp	56	15	38	3
MĐ 37	Bệnh cây nông nghiệp	56	15	38	3
MĐ 38	Chọn tạo giống cây trồng	72	30	37	5
MĐ 39	Cây lương thực	64	25	35	4
MĐ 40	Cây công nghiệp dài ngày	64	25	35	4
MĐ 41	Trồng rau thủy canh	64	25	35	4
MĐ 42	Trồng rau địa canh	64	25	35	4
MĐ 43	Nhân giống cây hoa cúc	64	12	48	4
MĐ 44	Nhân giống cây hoa ly	80	20	54	6
MĐ 45	Nuôi trồng nấm rơm	72	20	46	6
MĐ 46	Nuôi trồng nấm sò	80	12	64	4
MĐ 47	Nuôi trồng nấm linh chi	64	12	48	4
MĐ 48	Nuôi trồng nấm mộc nhĩ	64	12	48	4
MĐ 49	Nuôi trồng nấm kim châm	64	12	48	4
MĐ 50	Nhân giống cây hoa tulip	64	12	48	4
MĐ 51	Nhân giống lan Hoàng Hậu	56	12	40	4
MĐ 52	Nhân giống sâm Ngọc Linh	48	12	32	4
MĐ 55	Sinh thái nông nghiệp	48	12	32	4
MĐ 56	Ngoại khóa chuyên môn	56	12	40	4

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30% tổng số thời gian thực học tối thiểu của các môn học, mô đun đào tạo nghề;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành trong các môn học, mô đun đào tạo nghề: lý thuyết chiếm từ 15% đến 30%, thực hành chiếm từ 70% đến 85%.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng nhà Trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình.

- Ví dụ: có thể chọn các môn học, mô đun tự chọn như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 33	Quản lý dịch hại tổng hợp	40	21	15	4
MĐ 35	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	48	15	30	3
MĐ 36	Côn trùng nông nghiệp	56	15	38	3
MĐ 37	Bệnh cây nông nghiệp	56	15	38	3
MĐ 44	Nhân giống cây hoa ly	80	20	54	6
MĐ 45	Nuôi trồng nấm rơm	72	20	46	6
MĐ 46	Nuôi trồng nấm sò	80	12	64	4
MĐ 47	Nuôi trồng nấm linh chi	64	12	48	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 48	Nuôi trồng nấm mộc nhĩ	64	12	48	4
MĐ 49	Nuôi trồng nấm kim châm	64	12	48	4
MĐ 43	Nhân giống cây hoa cúc	64	12	48	4
MĐ 55	Sinh thái nông nghiệp	48	12	32	4
	Tổng cộng	**736**	**178**	**509**	**49**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút và 20 trả lời/học sinh)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết và thực hành)*	 Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài tập kỹ năng tổng hợp nghề Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	 Không quá 180 phút Không quá 60 phút Không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút và 20 phút trả lời/học sinh) Không quá 8 giờ Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, ngoài giờ học chính khóa cần tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa như: thể dục thể thao; văn hóa văn nghệ; các sinh hoạt giao lưu giữa các tập thể lớp với nhau hoặc giao lưu với các đơn vị ngoài trường, giao lưu với các doanh nghiệp. Ngoài ra học sinh có thể đọc thêm sách báo, tài liệu tham khảo tại thư viện, tham gia các đợt tham quan dã ngoại do trường hoặc lớp tự tổ chức;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa tham khảo bảng sau:

Số TT	**Nội dung**	**Thời gian**
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ - Các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Vào ngoài giờ học hàng ngày - 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động tại thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	- Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Học sinh tới tham quan, học hỏi kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, thực hành thực nghiệm của một số Trường Đại học (Trường ĐH Nông Lâm Thái Nguyên, ĐH Nông nghiệp Hà Nội), Viện nghiên cứu và Trung tâm nghiên cứu về lĩnh vực Công nghệ sinh học và một số cơ sở kinh doanh sản xuất điển hình	- Triển khai kể từ năm học thứ 2 cho học sinh đi thăm quan, học tập và tìm hiểu để mở rộng kiến thức - Kỳ 1 năm thứ 2 thăm cơ sở nghiên cứu của Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên - Kỳ 2 năm thứ 2 thăm cơ sở nghiên cứu của Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội - Kỳ 1 năm thứ 3 tới thăm Viện di truyền Nông nghiệp

Số TT	Nội dung	Thời gian
5	Tham quan, dã ngoại, vui chơi, giải trí	Tổ chức 1 lần vào năm học thứ 2
6	Tự tổ chức các cuộc thi liên quan đến chuyên môn	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần

4. Các chú ý khác

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi, quản lý./.

Phụ lục 8B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Công nghệ sinh học

Mã nghề: 50420201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 45

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được kiến thức các môn khoa học cơ bản như: toán học, vật lý, sinh học, đặc biệt là hai môn tin học và ngoại ngữ nhằm phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu tài liệu tham khảo;

+ Trình bày được những định nghĩa, cấu trúc, chức năng và thành phần cấu tạo của tế bào thực vật;

+ Hiểu được nguyên lý của các quá trình sinh học;

+ Hiểu được lý thuyết cơ sở về sinh học thực nghiệm để ứng dụng vào các vấn đề công nghệ sinh học;

+ Trình bày được cơ sở khoa học nuôi cấy mô tế bào thực vật và kỹ thuật nhân nhanh in vitro giống cây trồng;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về tài nguyên đất, nước, khí hậu... đáp ứng cho việc trồng cây nông - lâm nghiệp;

+ Bố trí và thiết kế thí nghiệm khoa học trong lĩnh vực công nghệ sinh học;

+ Thu thập và phân tích, xử lý số liệu khoa học bằng những phần mềm chuyên dụng;

+ Sản xuất được giống cây trồng, giống hoa, cây lâm nghiệp;

+ Thực hiện quy trình: Làm đất, trồng cây, chăm sóc, phát hiện, phòng và trừ sâu bệnh hại đúng kỹ thuật.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng tốt các trang thiết bị, dụng cụ máy móc trong phòng thí nghiệm công nghệ sinh học;

+ Thực hành tốt các kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật;

+ Thành thạo những thao tác cơ bản của kỹ thuật nhân nhanh cây in vitro (Chuẩn bị hóa chất, dụng cụ, môi trường nuôi cấy, mẫu cấy và ra cây);

+ Biết cách lựa chọn mẫu nuôi cấy mô.... sao cho hệ số nhân là cao nhất;

+ Vận dụng sáng tạo kiến thức lý thuyết trong thực nghiệm;

+ Có khả năng tham khảo và nghiên cứu tài liệu liên quan đến lĩnh vực công nghệ sinh học;

+ Bảo trì được các dụng cụ, trang thiết bị, máy móc phòng thí nghiệm công nghệ sinh học.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Vận dụng những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, truyền thống của dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam vào quá trình rèn luyện bản thân để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

+ Có ý thức tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, máy móc, thiết bị; bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe tốt để sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm được việc làm.

+ Có tinh thần tự học để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện một số môn thể dục thể thao phổ biến vào quá trình tự luyện tập thành thói quen bảo vệ sức khỏe, phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp;

+ Trình bày được những nội dung chính về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang;

+ Thành thạo một số kỹ năng quân sự cần thiết và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở.

3. Cơ hội việc làm

Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề công nghệ sinh học sẽ:

+ Làm việc tại các Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu thuộc ngành Công nghệ sinh học;

+ Làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trang trại nông, lâm nghiệp;

+ Làm việc tại các chương trình và dự án liên quan đến lĩnh vực công nghệ sinh học.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian khóa học: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3754 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3304 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2384 giờ; Thời gian học tự chọn: 920 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 726 giờ; Thời gian học thực hành: 2578 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn chung**	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**2384**	**514**	**1733**	**127**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**326**	**206**	**99**	**21**
MH 07	Phân loại thực vật	45	30	12	3
MH 08	Sinh học tế bào	45	30	12	3
MH 09	Sinh lý thực vật	56	36	17	3
MH 10	Di truyền thực vật	45	25	17	3
MH 11	Hóa sinh thực vật	45	25	17	3
MH 12	Cơ sở của nuôi cấy mô tế bào thực vật	45	35	7	3
MH 13	Bệnh cây đại cương	45	25	17	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**2058**	**308**	**1634**	**106**
MĐ 14	Công tác phòng thí nghiệm	88	15	69	4
MĐ 15	Nhà kính, nhà lưới	48	12	33	3
MĐ 16	Vườn ươm	64	15	45	4
MĐ 17	Trồng rừng	120	15	101	4
MĐ 18	Nhân giống cây lâm nghiệp (Cây Keo, Bạch đàn...)	160	24	130	6
MĐ 19	Nhân giống hoa lan (Lan Hồ điệp, Lan Đai châu...)	192	24	162	6
MĐ 20	Nhân giống cây chuối	128	16	106	6
MĐ 21	Nhân giống hoa đồng tiền	128	16	106	6
MĐ 22	Nhân giống cây dược liệu (Ba kích, Lô hội...)	120	16	98	6
MĐ 23	Nhân giống cây lấy củ (Cây khoai tây, khoai sọ, khoai lang...)	160	24	130	6
MĐ 24	Nông nghiệp hữu cơ	64	12	49	3
MĐ 25	Phân vi sinh	48	15	29	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 26	An toàn lao động và vệ sinh nông nghiệp	48	12	33	3
MĐ 27	Sinh thái nông nghiệp	56	16	37	3
MĐ 28	Quản trị sản xuất trong nông nghiệp	64	20	41	3
MĐ 29	Khảo sát thị trường cây giống	56	12	40	4
MĐ 30	Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh	56	12	41	3
MĐ 31	Nhân giống cây cam quýt	88	20	62	6
MĐ 32	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán	56	12	40	4
MĐ 33	Thực tập sản xuất	392	15	351	26
	Tổng cộng	**2824**	**734**	**1933**	**157**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 34	Hệ thống nông nghiệp	50	30	16	4
MĐ 35	Quản lý dịch hại tổng hợp	64	25	35	4
MĐ 36	Sinh thái môi trường	56	15	38	3
MĐ 37	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	56	15	38	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 38	Côn trùng nông nghiệp	64	25	35	4
MĐ 39	Bệnh cây nông nghiệp	64	25	35	4
MĐ 40	Chọn tạo giống cây trồng	72	30	37	5
MĐ 41	Cây lương thực	64	25	35	4
MĐ 42	Cây công nghiệp dài ngày	64	25	35	4
MĐ 43	Trồng rau thủy canh	64	25	35	4
MĐ 44	Trồng rau địa canh	64	25	35	4
MĐ 45	Nhân giống cây hoa cúc	64	25	35	4
MĐ 46	Nhân giống cây hoa ly	104	20	78	6
MĐ 47	Nuôi trồng nấm rơm	96	20	70	6
MĐ 48	Nuôi trồng nấm sò	96	12	80	4
MĐ 49	Nuôi trồng nấm linh chi	96	12	80	4
MĐ 50	Nuôi trồng nấm mộc nhĩ	96	20	70	6
MĐ 51	Nuôi trồng nấm kim châm	96	20	70	6
MĐ 52	Nhân giống cây hoa tulip	56	12	40	4
MĐ 53	Nhân giống lan Hoàng Hậu	56	12	40	4
MĐ 54	Nhân giống sâm Ngọc Linh	64	12	48	4
MĐ 55	Sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VIETGAP	56	12	40	4
MĐ 56	Ngoại khóa chuyên môn	56	12	40	4

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%, thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ: có thể chọn các môn học, mô đun tự chọn sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MH 34	Hệ thống nông nghiệp	50	30	16	4
MĐ 35	Quản lý dịch hại tổng hợp	48	15	30	3
MĐ 37	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	64	25	35	4
MĐ 38	Côn trùng nông nghiệp	64	25	35	4
MĐ 39	Bệnh cây nông nghiệp	64	25	35	4
MĐ 46	Nhân giống cây hoa ly	104	20	78	6
MĐ 47	Nuôi trồng nấm rơm	96	20	70	6
MĐ 48	Nuôi trồng nấm sò	96	12	80	4
MĐ 49	Nuôi trồng nấm linh chi	96	12	80	4
MĐ 50	Nuôi trồng nấm mộc nhĩ	96	20	70	6
MĐ 51	Nuôi trồng nấm kim châm	96	20	70	6
MĐ 56	Ngoại khóa chuyên môn	56	12	40	4
	Tổng cộng	**920**	**212**	**671**	**47**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút và 20 phút trả lời/sinh viên)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết và thực hành)*	 Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp nghề Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	 Không quá 180 phút Không quá 60 phút Không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút và 20 phút trả lời/sinh viên) Không quá 8 giờ Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, ngoài giờ học chính khóa cần tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa như: thể dục thể thao; văn hóa văn nghệ; các sinh hoạt giao lưu giữa các tập thể lớp với nhau hoặc giao lưu với các đơn vị ngoài trường, giao lưu với các doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên có thể đọc thêm sách báo, tài liệu tham khảo tại thư viện, tham gia các đợt tham quan dã ngoại do trường hoặc lớp tự tổ chức;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày

Số TT	Nội dung	Thời gian
2	Văn hóa, văn nghệ: - Các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Vào ngoài giờ học hàng ngày - 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động tại thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	- Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Sinh viên tới tham quan, học hỏi kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, thực hành thực nghiệm của một số Trường Đại học (Trường ĐH Nông Lâm Thái Nguyên, ĐH Nông nghiệp Hà Nội), Viện nghiên cứu và Trung tâm nghiên cứu về lĩnh vực Công nghệ sinh học, và một số cơ sở kinh doanh sản xuất điển hình	- Triển khai kể từ năm học thứ 2 cho sinh viên đi thăm quan, học tập và tìm hiểu để mở rộng kiến thức - Kỳ 1 năm thứ 2 thăm cơ sở nghiên cứu của Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên - Kỳ 2 năm thứ 2 thăm cơ sở nghiên cứu của Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội - Kỳ 1 năm thứ 3 tới thăm Viện di truyền Nông nghiệp
5	Tham quan, dã ngoại, vui chơi, giải trí	Tổ chức 1 lần vào năm học thứ 2
6	Tự tổ chức các cuộc thi liên quan đến chuyên môn	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần

4. Các chú ý khác

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi, quản lý./.

Phụ lục 9

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ "QUẢN TRỊ KINH DOANH XĂNG DẦU VÀ GAS"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 9A

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: **Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas**

Mã nghề: **40340112**

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 34

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Nắm được đường lối, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, đào tạo nghề của Đảng và Nhà nước trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa;

+ Nắm được các kiến thức chuyên môn cơ bản về quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh, những nhân tố chi phối đến các hoạt động quản trị kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Nắm được một số kiến thức cơ bản về hoạch định, tổ chức điều hành, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp, cửa hàng, đại lý kinh doanh xăng dầu và gas;

+ Hiểu được cấu trúc, thành phần hóa học cùng các tính chất lý, hóa, nhiệt cơ bản của xăng dầu và ga;.

+ Trình bày được các quy trình bảo quản từng loại xăng dầu và gas trong quá trình tồn chứa, vận chuyển, giao nhận tại các kho, cửa hàng, đại lý kinh doanh;

+ Hiểu được quy trình vận hành, bảo dưỡng thiết bị, hệ thống công nghệ tại các kho, cửa hàng xăng dầu, gas như : Máy bơm, cột bơm, van, ống, bể, xitec, bình gas, chai gas;

+ Nắm chắc các kiến thức về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy.

- Kỹ năng:

+ Tham gia nghiên cứu thị trường doanh nghiệp, biết cách lập được kế hoạch lao động, phân công lao động tại các bộ phận kinh doanh và tổ chức lao động tác nghiệp phù hợp với thực tế;

+ Thực hiện được các nghiệp vụ theo quy trình bán hàng văn minh; các nghiệp vụ theo quy trình giao nhận xăng dầu; biết cách đo tính xác định được khối lượng giao nhận và mức độ hao hụt xăng dầu, gas trong quá trình tồn chứa, giao nhận, vận chuyển;

+ Thực hiện được các biện pháp kiểm tra, kiểm soát, bảo đảm an ninh nhằm không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ kinh doanh xăng dầu và gas, đảm bảo an toàn tài sản, hàng, tiền cho doanh nghiệp,cửa hàng, đại lý kinh doanh;

+ Quản lý và sử dụng có hiệu quả các loại vốn hàng, tiền được giao;

+ Có khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới vào công việc; tác phong công nghiệp cao; có khả năng tiếp tục học lên trình độ cao hơn;

+ Có kỹ năng quản trị các nghiệp vụ kinh doanh tại nơi làm việc. Có khả năng tham gia truyền nghề, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên mới.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết những kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh và pháp luật của Nhà nước;

+ Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành xăng dầu, khí Việt Nam;

+ Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam và công nhân ngành xăng dầu, khí;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Pháp luật;

+ Yêu nghề, có ý thức kỷ luật tự giác, tác phong công nghiệp cao, phong cách làm việc phù hợp nền kinh tế hội nhập, có lối sống lành mạnh vừa hiện đại vừa phù hợp truyền thống văn hóa dân tộc;

+ Luôn có ý thức cầu thị, tự giác rèn luyện nâng cao trình độ hiểu biết, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Có đủ sức khỏe để làm việc theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản theo chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh trình độ trung cấp nghề;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Tốt nghiệp Trung cấp nghề "Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas" người lao động có có đủ điều kiện để làm việc trong các doanh nghiệp, kho, cửa hàng, đại lý kinh doanh xăng dầu và gas tại các vị trí công tác:

- Quản lý kho, cửa hàng, đại lý xăng dầu, gas như phó kho, cửa hàng quy mô nhỏ, trưởng, phó đại lý kinh doanh, ca, tổ;

- Nhân viên làm việc tại phòng kinh doanh, phòng hàng hóa, phòng hóa nghiệm, phòng kho vận;

- Nhân viên làm việc tại các tổ, đội trong kho xăng dầu và gas;

- Nhân viên bán lẻ xăng dầu, nhân viên kinh doanh gas;

- Đủ điều kiện tiếp tục học liên thông lên trình độ Cao đẳng nghề chuyên ngành Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

2.1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian khóa học: 1,5 năm

- Thời gian học tập: 68 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 1980 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 150 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

2.2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 1770 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1230 giờ; Thời gian học tự chọn: 540 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 500 giờ; Thời gian học thực hành: 1270 giờ

2.3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**210**	**108**	**85**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	15	13	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**1240**	**434**	**721**	**85**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**280**	**170**	**92**	**18**
MH 07	Kinh tế vi mô	45	30	12	3
MH 08	Quản trị học	60	35	22	3
MH 09	Marketing căn bản	45	30	12	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 10	Tâm lý khách hàng	45	30	12	3
MH 11	Nguyên lý kế toán	45	30	12	3
MĐ 12	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	40	15	22	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**960**	**264**	**629**	**67**
MH 13	Thương phẩm xăng dầu và gas	90	45	41	4
MĐ 14	Giao nhận, đo tính xăng dầu và gas	80	30	46	4
MĐ 15	Bảo quản xăng dầu và gas	60	20	38	2
MĐ 16	Kỹ thuật chiết nạp gas	40	10	29	1
MĐ 17	Nghiệp vụ bán hàng xăng dầu và gas	90	30	57	3
MĐ 18	An toàn lao động và bảo vệ môi trường	40	14	24	2
MĐ 19	Phòng cháy, chữa cháy xăng dầu và gas	40	15	24	1
MĐ 20	Quản trị Marketing	40	15	24	1
MĐ 21	Kế toán doanh nghiệp	60	20	38	2
MĐ 22	Quản trị nhân lực	60	20	38	2
MĐ 23	Quản trị chất lượng xăng dầu và gas	60	20	38	2
MĐ 24	Vận hành, bảo dưỡng thiết bị, hệ thống công nghệ kho và cửa hàng xăng dầu	60	15	43	2
MĐ 25	Lắp đặt hệ thống cấp LPG dân dụng và công nghiệp	40	10	29	1
MĐ 26	Thực tập tốt nghiệp	200	0	160	40
	Cộng	**1450**	**542**	**806**	**102**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1.Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 27	Kinh tế vĩ mô	45	30	12	3
MH 28	Pháp luật kinh tế	45	30	12	3
MH 29	Nguyên lý thống kê	45	30	12	3
MH 30	Lý thuyết tài chính	45	30	12	3
MĐ 31	Thực tập nhận thức ngành nghề	160	0	140	20
MĐ 32	Tin học ứng dụng trong kinh doanh xăng dầu và gas	60	15	43	2
MĐ 33	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	90	22	65	3
MĐ 34	Kỹ thuật chống ăn mòn thiết bị công trình xăng dầu	45	15	28	2
MH 35	Thương mại điện tử	50	30	18	2
MĐ 36	Định mức kinh tế kỹ thuật	60	20	37	3
MH 37	Quản trị lao động - tiền lương	60	30	26	4
MH 38	Lý thuyết tiền tệ - tín dụng	60	30	26	4
MĐ 39	Quản trị tài chính doanh nghiệp	60	20	36	4

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30% tổng số thời gian thực học tối thiểu của các môn học, mô đun đào tạo nghề;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành trong các môn học, mô đun đào tạo nghề: lý thuyết chiếm từ 15% đến 30%, thực hành chiếm từ 70% đến 85%.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun

đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng nhà Trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình.

- Ví dụ: có thể chọn các môn học, mô đun tự chọn như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MH 27	Kinh tế vĩ mô	45	30	12	3
MH 30	Lý thuyết tài chính	45	30	12	3
MĐ 31	Thực tập nhận thức ngành nghề	160	-	140	20
MĐ 32	Tin học ứng dụng trong kinh doanh xăng dầu và gas	60	15	43	2
MĐ 36	Định mức kinh tế kỹ thuật	60	20	37	3
MH 37	Quản trị lao động - tiền lương	60	30	26	4
MH 38	Lý thuyết tiền tệ - tín dụng	60	30	26	4
MĐ 39	Quản trị tài chính doanh nghiệp	60	20	36	4
	Cộng	540	175	132	43

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	**Môn thi**	**Hình thức thi**	**Thời gian thi**
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút/học sinh)

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề; - Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp lý thuyết với thực hành)*	 Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi lý thuyết và thực hành	 Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút cho một thí sinh) Không quá 12 giờ. Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (Được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Trong thời gian nghỉ hè trường tổ chức các hoạt động đi thực tế, dã ngoại và tham gia các hoạt động xã hội để bổ trợ kỹ năng và kiến thức thực tế nghề nghiệp;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	 Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn Thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật

Số TT	Nội dung	Thời gian
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần
6	Giáo dục định hướng nghề "Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas"	Trước, trong và sau đào tạo nghề

4. Các chú ý khác

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý./.

Phụ lục 9B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas

Mã nghề: 50340112

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 47

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, đào tạo nghề của Đảng và Nhà nước trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa;

+ Nắm vững các kiến thức chuyên môn nghề nghiệp về quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh, những nhân tố chi phối đến các hoạt động quản trị kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Nắm vững những kiến thức cơ bản về hoạch định, tổ chức điều hành, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp, cửa hàng, đại lý kinh doanh xăng dầu và gas;

+ Hiểu rõ cấu trúc, thành phần hóa học cùng các tính chất lý, hóa, nhiệt cơ bản của xăng dầu và gas;

+ Nắm vững quy trình bảo quản từng loại xăng dầu và gas trong quá trình tồn chứa, vận chuyển, giao nhận tại các kho, cửa hàng, đại lý kinh doanh;

+ Nắm vững quy trình vận hành, bảo dưỡng thiết bị, hệ thống công nghệ tại các kho, cửa hàng xăng dầu, gas như: Máy bơm, cột bơm, van, ống, bể, xitec, bình gas, chai gas;

+ Nắm vững các kiến thức về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy.

- Kỹ năng:

+ Tham gia nghiên cứu thị trường doanh nghiệp, xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, phương án kinh doanh; đề xuất các biện pháp khai thác sử dụng có hiệu quả phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh xăng dầu và gas;

+ Tổ chức thu thập, xử lý tốt các nguồn thông tin kinh tế phục vụ quản lý kinh doanh xăng dầu và gas; lập được kế hoạch nhân sự trung hạn, tham mưu bố trí nhân sự tại các bộ phận sản xuất kinh doanh và tổ chức lao động tác nghiệp phù hợp với thực tế;

+ Thực hiện được các nghiệp vụ theo quy trình bán hàng văn minh tại các cửa hàng xăng dầu và gas; các nghiệp vụ theo quy trình giao nhận xăng dầu tại kho và trên các phương tiện đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường ống; đo tính xác định được khối lượng giao nhận và mức độ hao hụt xăng dầu, gas trong quá trình tồn chứa, giao nhận, vận chuyển;

+ Đề xuất và tổ chức thực hiện các biện pháp kiểm tra, kiểm soát, bảo đảm an ninh nhằm không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ kinh doanh xăng dầu và gas, đảm bảo an toàn tài sản, hàng, tiền cho doanh nghiệp, cửa hàng, đại lý kinh doanh;

+ Quản lý và sử dụng có hiệu quả các loại vốn hàng, tiền được giao; tham mưu hoạch định kế hoạch tài chính trung hạn, ngắn hạn cho đơn vị, bộ phận cùng các phương án phân phối kết quả, lợi nhuận kinh doanh hợp lý;

+ Có khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới vào công việc; tác phong công nghiệp cao; có khả năng tiếp tục học lên trình độ cao hơn;

+ Có kỹ năng quản trị các nghiệp vụ kinh doanh tại nơi làm việc. Có khả năng tham gia đào tạo, truyền nghề, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên mới.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết những kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh và Pháp luật của Nhà nước;

+ Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành xăng dầu, khí Việt Nam;

+ Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam nói chung và công nhân ngành xăng dầu, khí nói riêng;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Pháp luật;

+ Yêu nghề, có ý thức kỷ luật tự giác, tác phong công nghiệp cao, phong cách làm việc phù hợp nền kinh tế hội nhập, có lối sống lành mạnh vừa hiện đại vừa phù hợp truyền thống văn hóa dân tộc;

+ Luôn có ý thức cầu thị, tự giác rèn luyện nâng cao trình độ hiểu biết, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Có đủ sức khỏe để làm việc theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản theo chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Tốt nghiệp Cao đẳng nghề "Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas" người lao động có đủ điều kiện để làm việc trong các doanh nghiệp, kho, cửa hàng, đại lý kinh doanh xăng dầu và gas tại các vị trí công tác:

- Quản lý kho, cửa hàng, đại lý xăng dầu, gas như trưởng, phó kho, cửa hàng, đại lý; trưởng, phó ca, tổ;

- Nhân viên làm việc tại phòng kinh doanh, phòng hàng hóa, phòng hóa nghiệm, phòng kho vận;

- Nhân viên làm việc tại các tổ, đội trong kho xăng dầu và gas;

- Nhân viên bán lẻ xăng dầu, nhân viên kinh doanh gas.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian khóa học: 2,5 năm

- Thời gian học tập: 110 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3200 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 270 giờ (trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2750 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1920 giờ; Thời gian học tự chọn: 830 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 800 giờ; Thời gian học thực hành: 1950 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**1920**	**569**	**1192**	**159**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**620**	**290**	**280**	**50**
MH 07	Kinh tế vi mô	45	30	12	3
MH 08	Kinh tế vĩ mô	45	30	12	3
MH 09	Quản trị học	60	35	22	3
MH 10	Pháp luật kinh tế	45	30	12	3
MH 11	Marketing căn bản	45	30	12	3
MH 12	Tâm lý khách hàng	45	30	12	3
MH 13	Nguyên lý thống kê	45	30	12	3
MH 14	Lý thuyết tài chính	45	30	12	3
MH 15	Nguyên lý kế toán	45	30	12	3
MĐ 16	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	40	15	22	3
MĐ 17	Thực tập nhận thức ngành nghề	160	0	140	20
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1300**	**279**	**912**	**109**
MH 18	Thương phẩm xăng dầu và gas	90	45	41	4
MĐ 19	Giao nhận, đo tính xăng dầu và gas	80	30	46	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 20	Bảo quản xăng dầu và gas	60	20	38	2
MĐ 21	Kỹ thuật chiết nạp gas	40	10	29	1
MĐ 22	Nghiệp vụ bán hàng xăng dầu và gas	90	30	57	3
MĐ 23	An toàn lao động và bảo vệ môi trường	40	14	24	2
MĐ 24	Phòng cháy, chữa cháy xăng dầu và gas	40	15	24	1
MĐ 25	Tin học ứng dụng trong kinh doanh xăng dầu và gas	60	15	43	2
MĐ 26	Quản trị Marketing	40	15	24	1
MĐ 27	Kế toán doanh nghiệp	60	20	38	2
MĐ 28	Quản trị nhân lực	60	20	38	2
MĐ 29	Quản trị chất lượng xăng dầu và gas	60	20	38	2
MĐ 30	Vận hành, bảo dưỡng thiết bị, hệ thống công nghệ kho, cửa hàng xăng dầu	60	15	43	2
MĐ 31	Lắp đặt hệ thống cấp LPG dân dụng và công nghiệp	40	10	29	1
MĐ 32	Thực tập nghề nghiệp	280	0	240	40
MĐ 33	Thực tập tốt nghiệp	200	0	160	40
	Cộng	**2370**	**789**	**1392**	**189**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1.Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 34	Nhiên liệu sạch	45	28	15	2
MĐ 35	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	90	22	65	3
MH 36	Sử dụng tiết kiệm năng lượng	45	25	18	2
MĐ 37	Kỹ thuật chống ăn mòn thiết bị công trình xăng dầu	45	15	28	2
MH 38	Hệ thống thông tin quản lý	60	30	26	4
MH 39	Thương mại điện tử	50	30	18	2
MH 40	Kinh tế quốc tế	45	25	17	3
MH 41	Luật kinh tế	60	35	21	4
MH 42	Kinh tế chính trị	90	60	24	6
MĐ 43	Định mức kinh tế kỹ thuật	60	20	37	3
MH 44	Phân tích hoạt động kinh doanh	90	40	44	6
MH 45	Khởi tạo doanh nghiệp	40	25	18	2
MH 46	Chiến lược và kế hoạch phát triển doanh nghiệp	75	40	30	5
MH 47	Quản trị lao động - tiền lương	60	30	26	4
MH 48	Lý thuyết tiền tệ - tín dụng	60	30	26	4
MĐ 49	Thống kê doanh nghiệp	60	25	31	4
MĐ 50	Quản trị tài chính doanh nghiệp	60	20	36	4
MĐ 51	Quản trị sản xuất	90	40	44	6

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%, thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ: có thể chọn các môn học, mô đun tự chọn như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MH 34	Nhiên liệu sạch	45	28	15	2
MĐ 35	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	90	22	65	3
MH 36	Sử dụng tiết kiệm năng lượng	45	25	18	2
MĐ 37	Kỹ thuật chống ăn mòn thiết bị công trình xăng dầu	45	15	28	2
MH 38	Hệ thống thông tin quản lý	60	30	26	4
MH 39	Thương mại điện tử	50	30	18	2
MH 41	Luật Kinh tế	60	35	21	4
MĐ 43	Định mức kinh tế kỹ thuật	60	20	37	3
MH 44	Phân tích hoạt động kinh doanh	90	40	44	6
MH 45	Khởi tạo doanh nghiệp	45	25	18	2
MH 47	Quản trị lao động - tiền lương	60	30	26	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 48	Lý thuyết tiền tệ - tín dụng	60	30	26	4
MĐ 49	Thống kê doanh nghiệp	60	25	31	4
MĐ 50	Quản trị tài chính doanh nghiệp	60	20	36	4
	Tổng cộng	**830**	**365**	**419**	**46**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, trả lời 20 phút/sinh viên)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	 Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi lý thuyết và thực hành	 Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút/sinh viên) Không quá 12 giờ Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Trong thời gian nghỉ hè trường tổ chức các hoạt động đi thực tế, dã ngoại và tham gia các hoạt động xã hội để bổ trợ kỹ năng và kiến thức thực tế nghề nghiệp;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	 Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	 Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần
6	Giáo dục định hướng nghề "Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas"	Trước, trong và sau đào tạo nghề

4. Các chú ý khác

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý./.

Phụ lục 10

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ "TRỒNG CÂY LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 10A

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Trồng cây lương thực, thực phẩm

Mã nghề: 40620101

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 34

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức*:*

+ Xác định được ưu, nhược điểm của từng phương pháp chọn tạo giống cây lương thực, thực phẩm;

+ Lựa chọn được giống cây lương thực, thực phẩm, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất bảo quản phù hợp trong nghề trồng cây lương thực, thực phẩm;

+ Thực hiện đúng quy trình các biện pháp kỹ thuật: sản xuất cây giống, làm đất, bón phân, quản lý dịch hại, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản cây lương thực, thực phẩm;

+ Sản xuất được cây lương thực, thực phẩm;

- Kỹ năng*:*

+ Khảo sát tốt thị trường và lập được kế hoạch, tổ chức kinh doanh, sản xuất các sản phẩm cây lương thực, thực phẩm đạt hiệu quả;

+ Thiết kế và xây dựng được mô hình trồng cây lương thực, thực phẩm đạt yêu cầu kỹ thuật;

+ Thực hiện sản xuất cây giống, làm đất, bón phân, điều tiết sinh trưởng, phát triển, quản lý dịch hại, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm cây lương thực, thực phẩm một cách thành thạo đảm bảo hiệu quả, an toàn và bảo vệ môi trường;

+ Vận dụng sáng tạo kiến thức lý thuyết vào thực hành ngoài đồng ruộng;

+ Sử dụng và bảo trì được các dụng cụ, trang thiết bị, máy móc để sản xuất cây lương thực, thực phẩm đảm bảo hiệu quả và chất lượng cao;

+ Tổng hợp và xử lý các số liệu liên quan tới sản xuất, kinh doanh cây lương thực, thực phẩm;

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Nắm được những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, truyền thống của dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam vào quá trình rèn luyện bản thân để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

+ Có ý thức tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, máy móc, thiết bị; bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe nhằm giúp học sinh sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm;

+ Có tinh thần tự học để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện một số môn thể dục thể thao phổ biến vào quá trình tự luyện tập, bảo vệ sức khỏe, phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp;

+ Trình bày được những nội dung chính về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang.

3. Cơ hội việc làm

Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề trồng cây lương thực, thực phẩm có thể làm việc tại các doanh nghiệp, trang trại, hộ gia đình, các chương trình và dự án liên quan đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh cây cây lương thực, thực phẩm.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian khóa học: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 210 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1620 giờ; Thời gian học tự chọn: 720 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 612 giờ; Thời gian học thực hành: 1728 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở

(Danh mục các môn học văn hóa trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm nhằm đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**1618**	**418**	**1084**	**116**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**225**	**114**	**90**	**21**
MH 07	Sinh lý thực vật	30	15	12	3
MH 08	Di truyền	30	15	13	2
MH 09	Giống cây trồng	30	15	11	4
MH 10	Nông hóa	45	24	18	3
MH 11	Côn trùng nông nghiệp	30	15	12	3
MH 12	Bệnh cây nông nghiệp	30	15	12	3
MH 13	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	30	15	12	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1395**	**306**	**994**	**95**
MĐ 14	Kỹ thuật trồng lúa	90	24	60	6
MĐ 15	Kỹ thuật trồng ngô	90	24	60	6
MĐ 16	Kỹ thuật trồng khoai lang	75	21	49	5
MĐ 17	Kỹ thuật trồng sắn	75	21	49	5
MĐ 18	Kỹ thuật trồng đỗ tương	75	21	49	5
MĐ 19	Kỹ thuật trồng lạc	75	21	49	5
MĐ 20	Kỹ thuật trồng rau họ cà	140	32	98	10
MĐ 21	Kỹ thuật trồng rau họ bầu bí	140	32	98	10
MĐ 22	Kỹ thuật trồng rau họ thập tự	180	32	136	12
MĐ 23	Kỹ thuật trồng nấm	60	15	42	3
MH 24	Thương hiệu và thị trường nông sản	45	31	11	3
MĐ 25	Bảo quản và chế biến nông sản	90	24	63	3
MĐ 26	Thực tập sản xuất	260	8	230	22
	Tổng cộng	**1830**	**526**	**1171**	**133**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 27	Kỹ thuật trồng đậu xanh	90	25	60	5
MĐ 28	Kỹ thuật trồng ngô bao tử	90	25	60	5
MĐ 29	Kỹ thuật trồng gừng	90	25	60	5
MĐ 30	Kỹ thuật trồng đỗ gièo	75	15	55	5
MĐ 31	Kỹ thuật trồng bí xanh	90	25	60	5
MĐ 32	Kỹ thuật trồng cây khoai sọ	75	15	55	5
MĐ 33	Kỹ thuật trồng ớt	90	25	60	5
MĐ 34	Kỹ thuật trồng mướp đắng	90	25	60	5
MĐ 35	Kỹ thuật trồng hành	75	18	52	5
MĐ 36	Kỹ thuật trồng cà rốt	90	25	60	5
MĐ 37	Kỹ thuật trồng su su	75	18	52	5
MĐ 38	Kỹ thuật trồng rau gia vị (cần tây)	90	24	60	6
MĐ 39	Kỹ thuật trồng cà chua bi	90	25	60	5

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

chiếm từ 20% đến 30% tổng số thời gian thực học tối thiểu của các môn học, mô đun đào tạo nghề;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành trong các môn học, mô đun đào tạo nghề: lý thuyết chiếm từ 15% đến 30%, thực hành chiếm từ 70% đến 85%.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng nhà Trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình.

- Ví dụ có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 27	Kỹ thuật trồng đậu xanh	90	24	60	6
MĐ 28	Kỹ thuật trồng ngô bao tử	90	24	60	6
MĐ 29	Kỹ thuật trồng gừng	90	24	60	6
MĐ 31	Kỹ thuật trồng bí xanh	90	24	60	6
MĐ 33	Kỹ thuật trồng ớt	90	24	60	6
MĐ 34	Kỹ thuật trồng mướp đắng	90	24	60	6
MĐ 36	Kỹ thuật trồng cà rốt	90	24	60	6
MĐ 39	Kỹ thuật trồng cà chua bi	90	24	60	6
	Tổng cộng	**720**	**192**	**480**	**48**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Kiến thức nghề - Kỹ năng nghề * Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp lý thuyết với thực hành)*	 Viết Vấn đáp Trắc nghiệm Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	 Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 90 phút Không quá 6 giờ Không quá 10 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, ngoài giờ học chính khóa cần tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa như: thể dục thể thao; văn hóa văn nghệ; các sinh hoạt giao lưu giữa các tập thể lớp với nhau hoặc giao lưu với các đơn vị ngoài trường, giao lưu với các doanh nghiệp. Ngoài ra học sinh có thể đọc thêm sách báo, tài liệu tham khảo tại thư viện, tham gia các đợt tham quan dã ngoại do trường hoặc lớp tự tổ chức;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày

Số TT	Nội dung	Thời gian
2	Văn hóa , văn nghệ - Các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Vào ngoài giờ học hàng ngày - 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động tại thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại, vui chơi, giải trí	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần.
6	Tự tổ chức các cuộc thi liên quan đến chuyên môn.	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần.

4. Các chú ý khác

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý./.

Phụ lục 10 B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Trồng cây lương thực, thực phẩm

Mã nghề: 50620101

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 45

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức*:*

+ Phân tích được ưu, nhược điểm của từng phương pháp chọn tạo giống cây lương thực, thực phẩm;

+ Trình bày được phương pháp lựa chọn được giống cây lương thực, thực phẩm, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất bảo quản phù hợp trong nghề trồng cây lương thực, thực phẩm;

+ Trình bày được quy trình các biện pháp kỹ thuật: sản xuất cây giống, làm đất, bón phân, quản lý dịch hại, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản cây lương thực, thực phẩm;

+ Biết áp dụng kiến thức cơ bản về kinh tế, khảo sát thị trường để thực hiện tổ chức quản lý và sản xuất kinh doanh các sản phẩm cây lương thực - thực phẩm;

+ Nắm vững cách hoạch toán, tổ chức kinh doanh đạt hiệu quả nghề trồng cây lương thực, thực phẩm;

+ Trình bày được phương pháp xây dựng kế hoạch đối phó với rủi ro bất ngờ trong nghề trồng cây lương thực, thực phẩm;

+ Biết cách vận dụng linh hoạt kiến thức trồng cây lương thực, thực phẩm vào mỗi vùng sinh thái;

+ Trình bày được các quy trình vận hành, bảo dưỡng của một số máy móc, thiết bị, dụng cụ thường sử dụng trong nghề cây lương thực, thực phẩm;

- Kỹ năng*:*

+ Khảo sát tốt thị trường và lập được kế hoạch, tổ chức kinh doanh, sản xuất các sản phẩm cây lương thực, thực phẩm đạt hiệu quả;

+ Thiết kế và xây dựng được mô hình trồng cây lương thực, thực phẩm đạt yêu cầu kỹ thuật;

+ Thực hiện sản xuất cây giống, làm đất, bón phân, điều tiết sinh trưởng, phát triển, quản lý dịch hại, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm cây lương thực, thực phẩm một cách thành thạo đảm bảo hiệu quả, an toàn và bảo vệ môi trường;

+ Vận dụng sáng tạo kiến thức lý thuyết vào thực hành ngoài đồng ruộng;

+ Sử dụng và bảo trì được các dụng cụ, trang thiết bị, máy móc để sản xuất cây lương thực, thực phẩm đảm bảo hiệu quả và chất lượng cao;

+ Tổng hợp và xử lý các số liệu liên quan tới sản xuất, kinh doanh cây lương thực, thực phẩm;

+ Đánh giá được hiệu quả sản xuất kinh doanh cây lương thực, thực phẩm;

+ Vận dụng linh hoạt kiến thức trồng cây lương thực, thực phẩm vào mỗi vùng sinh thái;

+ Sản xuất được cây lương thực, thực phẩm;

+ Đối phó được những rủi ro bất ngờ trong nghề trồng cây lương thực, thực phẩm.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Vận dụng những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, truyền thống của dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam vào quá trình rèn luyện bản thân để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

+ Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước;

+ Có ý thức tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, máy móc, thiết bị; bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe nhằm giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm;

+ Nghiêm túc trong học tập, sáng tạo trong công việc và có tinh thần yêu nghề; thực hiện tốt nội quy, quy chế học tập;

+ Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đặc biệt môi trường sinh thái nông nghiệp;

+ Có ý thức bảo tồn nguồn gen và đa dạng sinh học cây trồng nông lâm nghiệp;

+ Có tinh thần tự giác, ham học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện một số môn thể dục thể thao phổ biến vào quá trình tự luyện tập thành thói quen bảo vệ sức khỏe, phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp;

+ Trình bày được những nội dung chính về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang;

+ Thành thạo một số kỹ năng quân sự cần thiết và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở;

3. Cơ hội việc làm

Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề trồng cây lương thực, thực phẩm có khả năng làm việc tại:

+ Các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trang trại, hộ gia đình;

+ Quản lý đội, tổ, nhóm sản xuất kinh doanh nông nghiệp;

+ Các trung tâm dạy nghề tương ứng;

+ Các chương trình và dự án liên quan đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh cây lương thực, thực phẩm.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian khóa học: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2305 giờ; Thời gian học tự chọn: 995 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 934 giờ; Thời gian học thực hành: 2366 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**2305**	**639**	**1510**	**156**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**525**	**262**	**224**	**39**
MH 07	Hóa sinh thực vật	45	27	15	3
MH 08	Sinh lý thực vật	45	30	12	3
MH 09	Di truyền	45	28	15	2
MH 10	Giống cây trồng	75	32	35	8
MH 11	Nông hóa	90	45	40	5
MH 12	Sinh thái nông nghiệp	45	30	12	3
MH 13	Khí tượng nông nghiệp	45	30	12	3
MĐ 14	Côn trùng nông nghiệp	45	15	25	5
MĐ 15	Bệnh cây nông nghiệp	45	15	28	2
MĐ 16	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	45	10	30	5
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1780**	**377**	**1286**	**117**
MĐ 17	Kỹ thuật trồng lúa	90	24	60	6
MĐ 18	Kỹ thuật trồng ngô	90	24	60	6
MĐ 19	Kỹ thuật trồng khoai lang	75	21	49	5
MĐ 20	Kỹ thuật trồng sắn	75	21	49	5

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 21	Kỹ thuật trồng đỗ tương	75	21	49	5
MĐ 22	Kỹ thuật trồng lạc	75	21	49	5
MĐ 23	Kỹ thuật trồng rau họ cà	140	32	98	10
MĐ 24	Kỹ thuật trồng rau họ bầu bí	140	32	98	10
MĐ 25	Kỹ thuật trồng rau họ thập tự	180	32	136	12
MĐ 26	Kỹ thuật trồng đậu rau	90	24	60	6
MĐ 27	Kỹ thuật trồng nấm	90	24	63	3
MH 28	Thương hiệu và thị trường nông sản	45	31	11	3
MĐ 29	Quản trị sản xuất trong nông nghiệp	45	13	28	4
MĐ 30	Bảo quản và chế biến nông sản	90	24	63	3
MĐ 31	Sử dụng máy nông nghiệp	90	22	64	4
MĐ 32	Thực tập cơ sở	390	11	349	30
	Tổng cộng	**2755**	**859**	**1710**	**186**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 33	Kỹ thuật sản xuất ngô lai F_1	90	25	60	5

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 34	Kỹ thuật sản xuất lúa lai F_1	90	25	60	5
MĐ 35	Kỹ thuật trồng đậu xanh	90	24	61	5
MĐ 36	Kỹ thuật trồng ngô bao tử	90	24	61	5
MĐ 37	Kỹ thuật trồng gừng	90	24	61	5
MĐ 38	Kỹ thuật trồng đỗ gièo	90	24	61	5
MĐ 39	Kỹ thuật trồng bí xanh	90	24	61	5
MĐ 40	Kỹ thuật trồng cây khoai sọ	75	15	55	5
MĐ 41	Kỹ thuật trồng ớt	90	24	61	5
MĐ 42	Kỹ thuật trồng mướp đắng	90	24	61	5
MĐ 43	Kỹ thuật trồng hành	75	18	52	5
MĐ 44	Kỹ thuật trồng cà rốt	90	25	60	5
MĐ 45	Kỹ thuật trồng su su	75	18	52	5
MĐ 46	Kỹ thuật trồng cà chua bi	90	24	61	5
MĐ 47	Kỹ thuật trồng rau cần tây	90	24	61	5
MH 48	Hệ thống nông nghiệp	60	45	12	3
MĐ 49	Khuyến nông	60	16	40	4
MĐ 50	Sản xuất cây lương thực, thực phẩm hữu cơ	60	16	40	4
MĐ 51	Phát triển nông thôn	60	16	40	4
MĐ 52	An toàn lao động	45	15	28	2
MĐ 53	Kỹ năng giao tiếp, đàm phán	60	18	40	2
MĐ 54	Ngoại khóa chuyên môn	65	16	45	4

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%, thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn với số giờ là 995 giờ như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 35	Kỹ thuật trồng đậu xanh	90	24	61	5
MĐ 36	Kỹ thuật trồng ngô bao tử	90	24	61	5
MĐ 37	Kỹ thuật trồng gừng	90	24	61	5
MĐ 39	Kỹ thuật trồng bí xanh	90	24	61	5
MĐ 41	Kỹ thuật trồng ớt	90	24	61	5
MĐ 42	Kỹ thuật trồng mướp đắng	90	24	61	5
MĐ 44	Kỹ thuật trồng cà rốt	90	24	61	5
MĐ 46	Kỹ thuật trồng cà chua bi	90	24	61	5
MĐ 47	Kỹ thuật trồng rau cần tây	90	24	61	5

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 48	Hệ thống nông nghiệp	60	45	12	3
MĐ 53	Kỹ năng giao tiếp, đàm phán	60	18	40	2
MĐ 54	Ngoại khóa chuyên môn	65	16	45	4
	Tổng cộng	**995**	**295**	**646**	**54**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 90 phút (chuẩn bị 40 phút và 20 phút trả lời/sinh viên)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút và 20 phút trả lời/sinh viên)
	- Thực hành nghề	Thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp nghề	Không quá 8 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (*tích hợp giữa lý thuyết và thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, ngoài giờ học chính khóa cần tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa như: thể dục thể thao; văn hóa văn nghệ; các sinh hoạt giao lưu giữa các tập thể lớp với nhau hoặc giao lưu

với các đơn vị ngoài trường, giao lưu với các doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên có thể đọc thêm sách báo, tài liệu tham khảo tại thư viện, tham gia các đợt tham quan dã ngoại do trường hoặc lớp tự tổ chức;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ - Các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Vào ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động tại thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại, vui chơi, giải trí	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần
6	Tự tổ chức các cuộc thi liên quan đến chuyên môn.	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần

4. Các chú ý khác

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý./.

Phụ lục 11

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ "NGHIỆP VỤ LỄ TÂN", CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ "QUẢN TRỊ LỄ TÂN"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 11A

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Nghiệp vụ lễ tân

Mã nghề: 40810201

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 37

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được vai trò, vị trí, nhiệm vụ của từng chức danh thuộc bộ phận lễ tân trong khách sạn, cơ cấu tổ chức của bộ phận lễ tân, mối quan hệ giữa bộ phận lễ tân với các bộ phận khác trong khách sạn, yêu cầu đối với nhân viên lễ tân khách sạn, hoạt động của bộ phận lễ tân qua các giai đoạn phục vụ khách;

+ Nêu được các quy định về đồng phục, trang phục và phương pháp trang điểm cá nhân trước khi vào ca làm việc;

+ Liệt kê và mô tả được cách sử dụng các trang thiết bị được trang bị tại bộ phận lễ tân;

+ Trình bày giải thích được những việc cần chuẩn bị trước ca làm việc;

+ Nêu và phân tích được quy trình nhận, bàn giao ca;

+ Trình bày được phương pháp giao tiếp qua điện thoại, trực tiếp, văn bản,...

+ Liệt kê được các phương pháp bán hàng;

+ Trình bày và phân tích được các quy trình nghiệp vụ: đăng ký giữ chỗ, đón tiếp và đăng ký khách, phục vụ khách trong thời gian lưu trú, trả buồng và thanh toán cho từng đối tượng khách khác nhau;

+ Trình bày được quy trình thanh toán đối với các hình thức thanh toán khác nhau Nêu được và giải thích được các quy định về an toàn an ninh trong khách sạn.

+ Trình bày và phân tích được các loại báo cáo bán hàng.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được các quy định về đồng phục, trang phục và phương pháp trang điểm cá nhân trước khi vào ca làm việc;

+ Kiểm tra và sử dụng được cách sử dụng các trang thiết bị được trang bị tại bộ phận lễ tân;

+ Thực hiện được những việc cần chuẩn bị trước ca làm việc;

+ Thực hiện được quy trình nhận, bàn giao ca;

+ Giao tiếp được với khách trong nước và khách quốc tế;

+ Áp dụng được các phương pháp bán hàng cho những đối tượng khách khác nhau;

+ Thực hiện được các quy trình nghiệp vụ: đăng ký giữ chỗ, đón tiếp và đăng ký khách, phục vụ khách trong thời gian lưu trú, trả buồng và thanh toán;

+ Thực hiện được nghiệp vụ thanh toán;

+ Thực hiện được các quy định về an toàn an ninh trong khách sạn;

+ Lập được các loại báo cáo bán hàng.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Trình bày được một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về truyền thống yêu nước của dân tộc, của giai cấp công nhân Việt Nam, về vai trò lãnh đạo, đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước;

+ Nêu được quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Thực hiện được quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có nhận thức và biết giữ gìn, phát huy truyền thống của giai cấp công nhân; biết kế thừa và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam;

+ Tự giác học tập để nâng cao trình độ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; vận dụng được những kiến thức đã học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành người lao động có lương tâm nghề nghiệp, chủ động, sáng tạo, có ý thức trách nhiệm cao; có lối sống khiêm tốn giản dị, trong sạch lành mạnh, có tác phong công nghiệp.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Trình bày được kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện về thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập, lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp;

+ Thực hiện được các kỹ năng cơ bản và phương pháp tập luyện về thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập, lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp;

+ Trình bày được kiến thức cơ bản trong chương trình giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tự giác trong thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

- Sau khi tốt nghiệp học sinh sẽ làm được tại các vị trí như: Lễ tân khách sạn từ 1 đến 3 sao, Lễ tân văn phòng trong công ty, và các vị trí khác... tùy theo khả năng cá nhân và yêu cầu của công việc.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 180 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ).

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1755 giờ; Thời gian học tự chọn: 585 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 692 giờ; Thời gian học thực hành: 1648 giờ

3. Thời gian học văn hóa trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**1755**	**466**	**1225**	**64**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**255**	**168**	**74**	**13**
MH 07	Tổng quan du lịch và khách sạn	45	35	8	2
MH 08	Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	60	30	27	3
MH 09	Địa lý du lịch Việt Nam	30	20	8	2
MH 10	Marketing du lịch	45	30	13	2
MH 11	Kỹ năng bán hàng	30	18	10	2
MH 12	Tổ chức kinh doanh khách sạn	45	35	8	2
II.2.	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1500**	**298**	**1051**	**51**
MH 13	Kế toán khách sạn	45	25	18	2
MH 14	Nghiệp vụ thanh toán	30	18	10	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 15	Nghiệp vụ văn phòng	45	25	18	2
MĐ 16	Nghiệp vụ buồng	60	25	33	2
MĐ 17	Nghiệp vụ nhà hàng	45	20	23	2
MĐ 18	An toàn an ninh khách sạn	60	20	37	3
MĐ 19	Đăng ký giữ chỗ	120	24	91	5
MĐ 20	Đón tiếp và đăng ký khách lưu trú	120	24	91	5
MĐ 21	Phục vụ khách lưu trú	150	28	115	7
MĐ 22	Trả buồng và thanh toán	120	24	91	5
MĐ 23	Báo cáo lễ tân	60	10	48	2
MĐ 24	Tin học Lễ tân	90	15	73	2
MĐ 25	Thực hành nghiệp vụ 1	150	0	150	0
MĐ 26	Thực hành nghiệp vụ 2	155	0	155	0
MĐ 27	Ngoại ngữ chuyên ngành (tiếng Anh)	250	40	198	12
	Tổng cộng	**1965**	**572**	**1312**	**81**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 28	Lịch sử văn minh thế giới	45	40	3	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 29	Địa lý du lịch thế giới	30	20	8	2
MH 30	Chăm sóc khách hàng	30	20	8	2
MĐ 31	Trang điểm cá nhân	30	5	23	2
MĐ 32	Tổ chức sự kiện	45	18	25	2
MĐ 33	Lễ tân ngoại giao	45	15	28	2
MĐ 34	Môi trường du lịch	45	15	28	2
MH 35	Nghiệp vụ lữ hành	30	15	13	2
MH 36	Hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam	45	28	15	2
MH 37	Lịch sử văn hóa Việt Nam với du lịch	45	30	13	2
MH 38	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	45	30	13	2
MĐ 39	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp, tiếng Hoa, tiếng Nga, tiếng Hàn, tiếng Nhật)	225	50	165	10

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: Lý thuyết chiếm từ 15% đến 30%, thực hành chiếm từ 70% đến 85%;

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời

gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng nhà Trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình.

- Ví dụ: có thể lựa chọn 10 trong số 12 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn được đề xuất ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MH 30	Chăm sóc khách hàng	30	20	8	2
MĐ 31	Trang điểm cá nhân	30	5	23	2
MĐ 32	Tổ chức sự kiện	45	18	25	2
MĐ 33	Lễ tân ngoại giao	45	15	28	2
MĐ 34	Môi trường du lịch	45	15	28	2
MH 35	Nghiệp vụ lữ hành	30	15	13	2
MH 36	Hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam	45	28	15	2
MH 37	Lịch sử văn hóa Việt Nam với du lịch	45	30	13	2
MH 38	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	45	30	13	2
MĐ 39	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp, tiếng Hoa, tiếng Nga, tiếng Hàn, tiếng Nhật)	225	50	165	10
	Tổng cộng	**585**	**226**	**331**	**28**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	**Môn thi**	**Hình thức thi**	**Thời gian thi**
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề *Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	 Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	 Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (chuẩn bị 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho học sinh tham quan, học tập tại một số khách sạn…

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)

Số TT	Nội dung	Thời gian
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý./.

Phụ lục 11B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Quản trị lễ tân

Mã nghề: 50810201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 47

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày và giải thích được vai trò, vị trí, nhiệm vụ của từng chức danh thuộc bộ phận lễ tân trong khách sạn, cơ cấu tổ chức của bộ phận lễ tân, mối quan hệ giữa bộ phận lễ tân với các bộ phận khác trong khách sạn, yêu cầu đối với nhân viên lễ tân khách sạn, hoạt động của bộ phận lễ tân qua các giai đoạn phục vụ khách;

+ Trình bày các quy định về đồng phục, trang phục và phương pháp trang điểm cá nhân trước khi vào ca làm việc;

+ Liệt kê và mô tả được cách sử dụng các trang thiết bị được trang bị tại bộ phận lễ tân;

+ Trình bày giải thích được những việc cần chuẩn bị trước ca làm việc;

+ Nêu và phân tích được quy trình nhận, bàn giao ca;

+ Trình bày được phương pháp giao tiếp qua điện thoại, trực tiếp, văn bản;

+ Liệt kê được các phương pháp bán hàng;

+ Trình bày và phân tích được các quy trình nghiệp vụ: đăng ký giữ chỗ, đón tiếp và đăng ký khách, phục vụ khách trong thời gian lưu trú, trả buồng và thanh toán;

+ Trình bày được quy trình thanh toán đối với các hình thức thanh toán khác nhau;

+ Nêu được và giải thích được các quy định về an toàn an ninh trong khách sạn;

+ Trình bày và phân tích được các loại báo cáo bán hàng;

+ Trình bày và phân tích ý nghĩa và tầm quan trọng và những công việc cần chuẩn bị khi trước khi tiến hành việc đào tạo tại bộ phận và việc giám sát sự phục vụ khách của nhân viên.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện thành thạo các quy định về đồng phục, trang phục và phương pháp trang điểm cá nhân trước khi vào ca làm việc;

+ Kiểm tra và sử dụng thành thạo cách sử dụng các trang thiết bị được trang bị tại bộ phận lễ tân;

+ Thực hiện thành thạo những việc cần chuẩn bị trước ca làm việc;

+ Thực hiện thành thạo quy trình nhận, bàn giao ca;

+ Giao tiếp thành thạo với khách trong nước và khách quốc tế;

+ Áp dụng thành thạo các phương pháp bán hàng cho những đối tượng khách khác nhau;

+ Thực hiện thành thạo các quy trình nghiệp vụ: đăng ký giữ chỗ, đón tiếp và đăng ký khách, phục vụ khách trong thời gian lưu trú, trả buồng và thanh toán;

+ Thực hiện thành thạo nghiệp vụ thanh toán;

+ Thực hiện thành thạo các quy định về an toàn an ninh trong khách sạn;

+ Lập và sử lý thành thạo các loại báo cáo bán hàng;

+ Tham gia tuyển dụng và đào tạo được nhân viên tại bộ phận lễ tân;

+ Tổ chức giám sát sự phục vụ khách của nhân viên thuộc bộ phận lễ tân;

+ Có khả năng xử lý các tình huống phát sinh một cách linh hoạt, khoa học;

+ Tổ chức thực hiện công việc theo nhóm thành thạo.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Trình bày được một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về truyền thống yêu nước của dân tộc, của giai cấp công nhân Việt Nam, về vai trò lãnh đạo, đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước;

+ Nêu được quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Thực hiện được quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có nhận thức và biết giữ gìn, phát huy truyền thống của giai cấp công nhân; biết kế thừa và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam;

+ Tự giác học tập để nâng cao trình độ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; vận dụng được những kiến thức đã học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành người lao động có lương tâm nghề nghiệp, chủ động, sáng tạo, có ý thức trách nhiệm cao; có lối sống khiêm tốn giản dị, trong sạch lành mạnh, có tác phong công nghiệp.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Trình bày được kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện về thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập, lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp;

+ Thực hiện được các kỹ năng cơ bản và phương pháp tập luyện về thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập, lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp;

+ Trình bày được kiến thức cơ bản trong chương trình giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tự giác trong thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

- Sau khi học xong sinh viên sẽ làm việc được tại các vị trí như: lễ tân khách sạn, lễ tân của các công ty hoặc người quản lý bộ phận lễ tân ở khách sạn 3 đến 5 sao và các vị trí khác trong khách sạn tùy theo khả năng cá nhân và yêu cầu của công việc, có thể chuyển đổi vị trí công việc: từ bộ phận lễ tân sang các bộ phận khác (phòng kinh doanh, phòng marketing, quản lý nhân sự,...);

- Có khả năng học lên cao hơn và khả năng liên thông (từ trung cấp lên cao đẳng và lên đại học);

- Làm giảng viên giảng dạy các lớp sơ cấp, trung cấp nghề lễ tân và là giảng viên dạy thực hành nghề cho các lớp Quản trị lễ tân trong các trường dạy nghề Khách sạn.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 240 giờ

(Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2410 giờ; Thời gian học tự chọn: 890 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 891 giờ; Thời gian học thực hành: 2409 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**2410**	**662**	**1651**	**97**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**285**	**188**	**82**	**15**
MH 07	Tổng quan du lịch và khách sạn	45	35	8	2
MH 08	Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	60	30	27	3
MH 09	Địa lý du lịch Việt Nam	30	20	8	2
MH 10	Marketing du lịch	45	30	13	2
MH 11	Kỹ năng bán hàng	30	18	10	2
MH 12	Tổ chức kinh doanh khách sạn	45	35	8	2
MH 13	Chăm sóc khách hàng	30	20	8	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
II.2.	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**2125**	**474**	**1569**	**82**
MH 14	Kế toán khách sạn	45	25	18	2
MH 15	Nghiệp vụ thanh toán	30	18	10	2
MH 16	Nghiệp vụ văn phòng	45	25	18	2
MĐ 17	Nghiệp vụ buồng	60	25	33	2
MĐ 18	Nghiệp vụ nhà hàng	45	20	23	2
MĐ 19	An toàn an ninh khách sạn	60	20	37	3
MĐ 20	Đăng ký giữ chỗ	120	24	91	5
MĐ 21	Đón tiếp và đăng ký khách lưu trú	120	24	91	5
MĐ 22	Phục vụ khách lưu trú	150	28	115	7
MĐ 23	Trả buồng và thanh toán	120	24	91	5
MĐ 24	Báo cáo lễ tân	60	10	48	2
MĐ 25	Tin học lễ tân	90	15	73	2
MĐ 26	Cơ sở vật chất kỹ thuật khách sạn	30	12	16	2
MH 27	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	45	30	13	2
MH 28	Quản trị nguồn nhân lực	45	30	13	2
MĐ 29	Tổ chức giám sát và đào tạo tại bộ phận lễ tân	60	28	30	2
MĐ 30	Nghiệp vụ lễ tân nâng cao	120	24	91	5
MĐ 31	Thực hành nghiệp vụ 1	150	0	150	0
MĐ 32	Thực hành nghiệp vụ 2	150	0	150	0
MĐ 33	Ngoại ngữ chuyên ngành cơ bản (tiếng Anh)	200	32	156	12
MĐ 34	Ngoại ngữ chuyên ngành (tiếng Anh)	380	60	302	18
	Tổng cộng	**2860**	**882**	**1851**	**127**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 35	Trang điểm cá nhân	30	5	23	2
MĐ 36	Lễ tân ngoại giao	45	15	28	2
MH 37	Lịch sử văn minh thế giới	45	40	3	2
MH 38	Kinh tế vi mô	45	23	20	2
MH 39	Địa lý du lịch thế giới	30	20	8	2
MH 40	Lịch sử văn hóa Việt Nam với du lịch	45	30	13	2
MH 41	Nghiệp vụ lữ hành	30	15	13	2
MH 42	Hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam	45	28	15	2
MĐ 43	Môi trường du lịch	45	20	23	2
MĐ 44	Thống kê kinh doanh	45	15	28	2
MĐ 45	Quản trị học	45	20	23	2
MĐ 46	Quản trị tài chính DN DLKS	45	20	23	2
MĐ 47	Quản trị lưu trú	45	18	25	2
MĐ 48	Tổ chức sự kiện	45	18	25	2
MĐ 49	Ngoại ngữ nâng cao (tiếng Anh)	225	0	213	12
MĐ 50	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp, tiếng Hoa, tiếng Nga, tiếng Hàn, tiếng Nhật)	200	25	169	6

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: Lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%, thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 16 trong số 19 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 35	Trang điểm cá nhân	30	5	23	2
MĐ 36	Lễ tân ngoại giao	45	15	28	2
MH 40	Lịch sử văn hóa Việt Nam với du lịch	45	30	13	2
MH 41	Nghiệp vụ lữ hành	30	15	13	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 42	Hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam	45	28	15	2
MĐ 43	Môi trường du lịch	45	20	23	2
MĐ 44	Thống kê kinh doanh	45	15	28	2
MĐ 45	Quản trị học	45	20	23	2
MĐ 46	Quản trị tài chính DN DLKS	45	20	23	2
MĐ 47	Quản trị lưu trú	45	18	25	2
MĐ 48	Tổ chức sự kiện	45	18	25	2
MĐ 49	Ngoại ngữ nâng cao (tiếng Anh)	225	0	213	12
MĐ 50	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp, tiếng Hoa, tiếng Nga, tiếng Hàn, tiếng Nhật)	200	25	169	6
	Tổng cộng	**890**	**229**	**621**	**40**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 180 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	 Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	 Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút chuẩn bị 40 phút, trả lời 20 phút/sinh viên) Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập tại một số khách sạn 4 - 5sao;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	 Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/ tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	 Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

- Nếu sử dụng chương trình khung này để giảng dạy cho đối tượng tuyển sinh liên thông dọc từ Trung cấp nghề lên thì cần chỉnh lại kế hoạch tổng thể (2 học kỳ); học bổ sung những kiến thức, kỹ năng chưa học ở trình độ Trung cấp nghề. Nội dung thi tốt nghiệp cho đối tượng này chỉ cần kiểm tra các kiến thức và kỹ năng nâng cao ở giai đoạn đào tạo Cao đẳng nghề;

- Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý./.